TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NẬM NHÙN** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/HS-ST
Ngày 22-05-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NẬM NHÙN, TỈNH LAI CHÂU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông: Đồng Văn Dũng
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phan Văn Thóc
2. Ông Phàng A Chu
- ***Thư ký phiên toà:*** Bà: Thào Thị Nhung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu tham gia phiên toà:*** Ông: Đặng Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 22/05/2024, tại trụ sở Nhà văn hóa xã N, huyện N, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm lưu động công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2024/TLST-HS, ngày 12/04/2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15 /2024/QĐXXST-HS, ngày 09/05/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lò Văn T**; sinh năm 1981 tại tỉnh Lai Châu; Nơi cư trú, chỗ ở trước khi bị bắt: Bản L, xã L, huyện N, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; chức vụ Đảng, chính quyền, đoàn thể: Đảng viên Đ2, Lò Văn T bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 46-QĐ/UBKTHU, ngày 28/02/2024 của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy N; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lò Văn L, sinh năm 1959 và con bà Lù Thị D, sinh năm 1959; Có vợ: Điêu Thị T1, sinh năm 1983 và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2015. Tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/02/2024, chuyển tạm giam từ ngày 28/02/2024, tại Nhà tạm giữ Công an huyện N, tỉnh Lai Châu cho đến nay. Có mặt tại phiên toà.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Điêu Thị T1, sinh năm 1983. Địa chỉ: Bản L, xã L, huyện N, tỉnh Lai Châu (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 00 phút, ngày 19/02/2024, Lò Văn T một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA loại BLADE màu đen BKS:25B1-89237, mang

theo 01 gói Heroine được gói bằng mảnh nilon màu xanh rồi cho vào túi quần sau bên trái đang mặc, đi từ nhà về hướng xã P, huyện N, tỉnh Lai Châu, mục đích mang đi để sử dụng cho bản thân. Đến 18 giờ 30 phút cùng ngày, khi T đi đến đầu bản L, xã L, huyện N, tỉnh Lai Châu thì Công an huyện N phát hiện, bắt quả tang thu giữ tại túi quần sau bên trái 01 gói Heroine được gói bằng mảnh nilon màu xanh có khối lượng 0,14 gam và 01 chiếc xe mô tô nêu trên.

Tại Kết luận giám định số: 10, ngày 19/02/2024 của người giám định tư pháp theo vụ việc kết luận: *"Gói chất bột, màu trắng sau khi loại bỏ bao bì có khối lượng là 0,14* gam *(không phẩy mười bốn gam*) Heroine, toàn bộ mẫu vật được gửi đi giám định tại Phòng K Công an tỉnh L.

Tại Bản kết luận giám định số: 246/KL-KTHS, ngày 23/02/2024 của Phòng K Công an tỉnh L kết luận: 01 (một) Mẫu chất bột, màu trắng gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có tên khoa học là D1, được quy định tại Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) và Nghị định số 57/2022/NĐ - CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất. (Không hoàn lại mẫu vật gửi giám định).

Tại bản Cáo trạng số: 08/CT-VKS, ngày 11 tháng 04 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu đã truy tố bị cáo Lò Văn T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về Bản kết luận điều tra số 06/KLĐT ngày 05/04/2024 của Cơ quan CSĐT Công an huyện N và bản Cáo trạng nêu trên.

Tai phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát huyện N giữ nguyên quan điểm truy tố của mình đồng thời phân tích, đánh giá toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lò Văn T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Về hình phạt: Đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lò Văn T từ 12 tháng đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ ngày 19/02/2024. Áp dụng khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị tịch thu tiêu hủy vỏ bì niêm phong và mảnh nilon sau khi mở niêm phong, được niêm phong trong một phong bì thư do Công an huyện N lưu hành; Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) 01 xe máy nhãn hiệu HONDA, loại BLADE, biển kiểm soát 25B1-892.37, màu sơn đen, số máy: JA36E1073607, số khung: RLHJA3670NY001679 (xe đã qua sử dụng không kiểm tra chi tiết bên trong). Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng, không có ý kiến tranh luận đối với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Điêu Thị T1 trình bày: Khi chồng chị là Lò Văn T sử dụng chiếc xe mô tô biển kiểm soát 25B1 - 89237 của gia đình để thực hiện hành vi phạm tội, chị không biết, chiếc xe là tài sản chung của chị và bị cáo T, tại phiên tòa chị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại chiếc xe mô tô nói trên cho chị.

Tại lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định của Cơ quan điều tra huyện N, Điều tra viên. Cơ quan Viện kiểm sát huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với nội dung vụ án, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thu thập hợp pháp. Như vậy, có đủ cơ sở xác định: Vào hồi 18 giờ 30 phút, ngày 19/02/2024, tại bản Lao Chen, xã L, huyện N, tỉnh Lai Châu, bị cáo Lò Văn T đã có hành vi tàng trữ trái phép 01 (một) gói Heroine có khối lượng 0,14 gam (không phẩy mười bốn gam) Heroine với mục đích để sử dụng thì bị Công an huyện N, tỉnh Lai Châu phát hiện, bắt quả tang. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, quan điểm đề nghị về tội danh, mức hình phạt đối với bị cáo của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn có cơ sở, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo nhận thức được việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, có tính chất nghiêm trọng, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma tuý của Nhà nước, gây mất trật tự trị an trên địa bàn nên cần được xử lý nghiêm minh.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Khi bị Công an huyện N, tỉnh Lai Châu phát hiện bắt quả tang có xét nghiệm chất ma túy thì bị cáo có sử dụng chất ma túy (dương tính).

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Không có.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Xét thấy cần thiết phải có mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng của vụ án:

- Đối với 0,14 gam (*không phẩy mười bốn gam*) Heroine thu giữ của bị cáo Lò Văn T đã gửi toàn bộ đi giám định không hoàn lại nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

- Đối với vỏ bì niêm phong và mảnh nilon sau khi mở niêm phong, được niêm phong trong một phong bì do Công an huyện N lưu hành. Mặt trước phong bì có ghi: Vỏ bì sau khi mở niêm phong vụ Lò Văn T, sinh năm 1981, trú tại bản L, xã L, huyện N, tỉnh Lai Châu - hành vi: Tàng trữ trái phép chất ma tuý bắt ngày 19/02/2024. Mặt sau của bì niêm phong các mép dán kín, trên mép dán của bì niêm phong dùng mảnh giấy trắng dán đè lên, trên mảnh giấy trắng thể hiện chữ ký, họ tên của: Lường Văn Đ, Vũ Mạnh H, Đặng Hồng H1, Nguyễn Thành Đ1, Lò Văn L1, Lò Văn T và đóng 02 hình dấu tròn đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, tỉnh Lai Châu ở hai mép dán. Đây là công cụ bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội, vật không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại BLADE, biển kiểm soát 25B1-892.37, màu sơn đen, số máy: JA36E1073607, số khung: RLHJA3670NY001679 là tài sản hợp pháp của gia đình bị cáo T, bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước. Tại phiên tòa chị Điêu Thị T1 (vợ bị cáo T) đề nghị Hội đồng xét xử trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại BLADE, biển kiểm soát 25B1 - 892.37. Hội đồng xét xử xét thấy, chiếc xe mô tô nêu trên là phương tiện bị cáo Lò Văn T sử dụng vào việc phạm tội. Việc trả lại chiếc xe nói trên cho chị Điêu Thị T1 là trái với quy định

tại Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên không có căn cứ chấp nhận.

[6] Những vấn đề liên quan:

Theo lời khai của Lò Văn T nguồn gốc số ma túy nên trên do T mua được của một người đàn ông không rõ lai lịch tại bản Lao Chen, xã L, huyện N, tỉnh Lai Châu vào ngày 17/02/2024. Kết quả điều tra không xác định được lại lịch người đàn ông đã bán ma túy cho bị cáo T nên không có căn cứ xử lý theo quy định quy định pháp luật;

Đối với Điêu Thị T1, khi T lấy xe, T không nói cho T1 biết việc T dùng chiếc xe máy trên làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, nên T1 không đồng phạm với T về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[7] Về án phí: Bị cáo bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về biện pháp ngăn chặn: Căn cứ Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam đối với bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106; Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lò Văn T phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy".*

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lò Văn T 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ ngày 19/02/2024. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

3. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy vỏ bì niêm phong và mảnh nilon sau khi mở niêm phong, được niêm phong trong một phong bì thư do Công an huyện N lưu hành.

Tịch thu hoá giá nộp vào ngân sách Nhà nước 01 xe máy nhãn hiệu HONDA, loại BLADE, biển kiểm soát 25B1-892.37, màu sơn đen, số máy:

JA36E1073607, số khung: RLHJA3670NY001679 (xe đã qua sử dụng không kiểm tra chi tiết bên trong).

(*Tình trạng, đặc điểm vật chứng theo như biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 22 tháng 4 năm 2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N và Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu).*

3. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm lên Toà án nhân dân cấp trên./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Sở tư pháp tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Nậm Nhùn;
- Chi Cục THADS huyện Nậm Nhùn;
- Công an huyện Nậm Nhùn;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đồng Văn Dũng